TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31-10-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Minh Hằng.

Ông Nguyễn Văn Hiếu.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đỗ Thị Quyên - Thư ký Toà án nhân dân quận Hải An, Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/9/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1987; ĐKHKTT: Tổ dân phố T, phường T, quận H, thành phố H; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Kim Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, quận H, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn là anh Phạm Văn T trình bày:

Anh và chị Kim Thị T kết hôn vào tháng 5 năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường Tràng Cát, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng một thời gian, đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm, đánh chửi nhau. Hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều lần

nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Kim Thị T.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có hai con là Phạm Minh T, sinh ngày 24/9/2008 và Phạm Thị Minh A, sinh ngày 28/9/2010. Hiện tại anh đang nuôi dưỡng cả hai cháu. Anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Việc cấp dưỡng nuôi con anh và chị T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, tiến hành tổ chức phiên tiếp cận chứng cứ, hòa giải chị Kim Thị T đều vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập, niêm yết theo quy định của pháp luật và đến thời điểm phiên tòa mở lại chị Kim Thị T cũng không có quan điểm khai nhận về nội dung khởi kiện của anh T, tiếp tục vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; Bị đơn đã không chấp hành qui định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu điều tra có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn T và chị Kim Thị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Kim Thị T. Về con chung: Anh Phạm Văn T và chị Kim Thị T có hai con là Phạm Minh Tiến, sinh ngày 24/9/2008 và Phạm Thị Minh Anh, sinh ngày 28/9/2010, hiện cả hai con Phạm Minh T, Phạm Thị Minh A do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, vẫn ổn định về mọi mặt, nguyện vọng của con muốn ở với bố nên áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cho anh T được trực tiếp nuôi cả hai con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên kiểm sát viên không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là chị Kim Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố T 7, phường T, quận H, thành phố H; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố B 2, phường Đ 2, quận H, thành phố H. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Kim Thị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng về việc bị đơn phải có mặt tại tòa. Hội đồng xét xử căn cứ Điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Xét anh Phạm Văn T và chị Kim Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Tràng Cát, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương, trên cơ sở ý kiến của bố mẹ chị T cũng như tổ dân phố xác nhận vợ chồng anh T và chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong sinh hoạt, lối sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2016, không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị T vắng mặt chứng tỏ chị không muốn níu kéo hạnh phúc gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài trầm trọng, không còn khả năng khắc phục, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh T được ly hôn chị T theo khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh T, chị T có hai con là Phạm Minh T, sinh ngày 24/9/2008 và Phạm Thị Minh A, sinh ngày 28/9/2010. Hai con đều có nguyện vọng được ở cùng bố. Anh T có công việc và đảm bảo thời gian chăm sóc con. Vì vậy cần giao cả hai con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cũng là phù hợp với thực tế. Việc cấp dưỡng nuôi con anh, chị tự thỏa thuận nên không xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; khoản 4, Điều 147; điểm a, khoản 2, Điều 227; khoản 1, Điều 228 và khoản 1, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83, Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 3; điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Kim Thị T.

2. Về quyền nuôi con: Giao cho anh Phạm Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con Phạm Minh T, sinh ngày 24/9/2008 và Phạm Thị Minh A, sinh ngày

28/9/2010 đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Không xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Ly hôn sơ thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Ký hiệu: AA/2014 số 0005204 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Anh T đã nộp đủ án phí Ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh T, chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Tràng Cát, quận Hải An, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Cường

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Cường

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đông Hải 1;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đức Hoàng